

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 62-CP ngày 12-4-1976
ban hành Điều lệ kiểm tra chất
lượng sản phẩm và hàng hóa.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14-7-1960 ;

Căn cứ vào bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ và bản Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế đã ban hành kèm theo nghị định của Hội đồng Chính phủ số 172-CP ngày 1-11-1973 ,

Căn cứ vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 159-TTg ngày 7-7-1973 về công tác quản lý chất lượng sản phẩm và hàng hóa ;

Theo đề nghị của ông Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa.

Điều 2. — Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Lao động đề quy định những thể lệ, chế độ cụ thể hướng dẫn thi hành điều lệ.

Điều 3. — Việc triển khai thực hiện Điều lệ kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa chủ yếu dựa vào tổ chức và biên chế hiện làm công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và thuộc các ngành, các địa phương, các xí nghiệp. Những nơi trước đây chưa có tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa, nay xét cần lập tổ chức phụ trách việc này thì cơ quan chủ quản phải bàn và có sự thỏa thuận của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và Ban tổ chức của Chính phủ.

Điều 4. — Các đồng chí Bộ trưởng các Bộ, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ và cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 12 tháng 4 năm 1976

T.M. Hội đồng Chính phủ
K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng
NGUYỄN DUY TRINH

ĐIỀU LỆ

**kiểm tra chất lượng sản phẩm
và hàng hóa.**

(ban hành kèm theo nghị định số 62-CP ngày 12-4-1976 của Hội đồng Chính phủ).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa nhằm mục đích bảo đảm việc chấp hành nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn và quy định về chất lượng, đánh giá mức chất lượng đã đạt được và đề ra các biện pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội, thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, phát triển kinh tế và cải thiện đời sống.

Điều 2. — Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa được thực hiện theo nguyên tắc sau đây :

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với chất lượng sản phẩm và hàng hóa.

2. Đề cao trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các ngành, các cấp và đơn vị kinh tế cơ sở.

Điều 3. — Hệ thống tổ chức kiểm tra chất lượng gồm có :

1. Cục kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa trực thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và các cơ sở trực thuộc Cục đặt ở một số vùng kinh tế quan trọng.

09637341

2. Các tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa địa phương (ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

3. Các phòng hoặc ban kiểm tra chất lượng sản phẩm ở xí nghiệp công nghiệp quốc doanh. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức kiểm tra chất lượng được quy định ở chương V của bản điều lệ này.

Điều 4. — Ở mỗi Bộ, Tổng cục quản lý sản xuất, kinh doanh, Vụ kỹ thuật có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chế độ, thủ tục về kiểm tra chất lượng đối với các cơ sở thuộc ngành do Bộ, Tổng cục quản lý.

Ở mỗi Tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp của ngành hoặc cơ quan quản lý sản xuất, kinh doanh của địa phương phải có cán bộ chuyên trách quản lý công tác kiểm tra chất lượng đối với các cơ sở thuộc quyền quản lý.

Các tổ chức kiểm nghiệm ở các ngành, ở các địa phương có nhiệm vụ kiểm nghiệm chất lượng phục vụ cho việc nghiên cứu phát triển và cải tiến mặt hàng; kiểm nghiệm chất lượng khi giao nhận hàng theo hợp đồng kinh tế trong phạm vi được phân công của ngành hoặc địa phương mình.

Điều 5. — Thủ trưởng các Bộ, Tổng cục, Chủ tịch Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thủ trưởng các cơ quan quản lý sản xuất, kinh doanh và đơn vị kinh tế cơ sở phải chịu trách nhiệm về tình trạng chất lượng và công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi mình phụ trách, cụ thể là:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa.

2. Xây dựng và ban hành các chế độ, thủ tục về kiểm tra chất lượng cho thích hợp với tình hình cụ thể của ngành, địa phương hoặc cơ sở mình. Các chế độ, thủ tục này không được trái với quy định của Nhà nước.

3. Tổ chức xây dựng và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch bảo đảm và nâng cao chất lượng.

4. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng có thẩm quyền tiến hành tại cơ sở mình phụ trách.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH NHẪM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Điều 6. — Chất lượng sản phẩm và hàng hóa là chỉ tiêu pháp lệnh trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

Trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các ngành, các cấp và đơn vị kinh tế cơ sở phải có kế hoạch bảo đảm và nâng cao chất lượng. Kế hoạch này được tổ chức xây dựng, bảo vệ, xét duyệt, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện theo đúng nguyên tắc và thủ tục đã quy định đối với kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

Điều 7. — Những sản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế quốc dân phải do Nhà nước thống nhất quản lý chất lượng. Danh mục những sản phẩm này do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đề nghị Chính phủ ban hành và công bố trong từng thời kỳ kế hoạch.

Điều 8. — Giá cả phải được định theo phẩm cấp.

Tất cả sản phẩm, hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng, nếu được phép tiêu thụ, đều phải hạ giá.

Mức chênh lệch giá theo phẩm cấp và mức hạ giá đối với sản phẩm, hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng do cơ quan vật giá có thẩm quyền quy định từ giá bán buôn xí nghiệp đến giá bán lẻ.

Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa phải kết hợp chặt chẽ với công tác kiểm tra việc chấp hành chế độ giá cả theo phẩm cấp của Nhà nước.

Điều 9. — Chất lượng của sản phẩm, hàng hóa phải được ghi rõ trong hợp đồng kinh tế, bao gồm quy cách, phẩm cấp, các chỉ tiêu chất lượng, bao bì và đóng gói, thời hạn bảo hành... Những chỉ tiêu này phải căn cứ theo tiêu chuẩn hoặc quy định hiện hành về chất lượng.

Các bên ký kết hợp đồng kinh tế được phép bổ sung hoặc nâng cao một số chỉ tiêu chất lượng cần thiết, khi những chỉ tiêu này trong tiêu chuẩn hoặc quy định hiện hành về chất lượng không đáp ứng được yêu cầu.

Khi giao hàng, bên giao phải cung cấp cho bên nhận đầy đủ các tài liệu chứng nhận chất lượng và khi cần thiết phải có các tài liệu thuyết minh về kết cấu, hướng dẫn lắp đặt, vận hành, sử dụng, bảo quản, sửa chữa và danh mục phụ tùng, dụng cụ kèm theo.

Điều 10. — Sản phẩm xuất xưởng phải có nhãn hiệu, dấu hiệu hàng hóa và giấy chứng nhận chất lượng của phòng (hoặc ban) kiểm tra chất lượng sản phẩm của xí nghiệp sản xuất.

Chương III

CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Điều 11. — Tất cả các đối tượng sản xuất (nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, bán sản phẩm và sản phẩm) được gia công, chế biến xong ở xí nghiệp nhất thiết phải được kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu chất lượng quy định trước khi chuyển giao sang công đoạn khác hoặc trước khi xuất xưởng.

Hàng hóa trong lưu thông phân phối phải được kiểm tra chất lượng kết hợp với kiểm tra việc chấp hành chế độ giá cả theo phẩm cấp của Nhà nước.

Điều 12. — Khi giao nhận hàng hóa theo hợp đồng kinh tế, các bên giao nhận có trách nhiệm tự tổ chức việc kiểm nghiệm chất lượng căn cứ theo quy định ở điều 9, chương II. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng mà các bên giao nhận không thể nhất trí với nhau về kết quả kiểm nghiệm thì đề nghị cơ quan kiểm tra chất lượng có thẩm quyền làm trọng tài giám định.

Điều 13. — Áp dụng chế độ kiểm tra chất lượng của Nhà nước sau đây đối với các sản phẩm nằm trong danh mục quản lý chất lượng của Nhà nước nêu ở điều 7, chương II :

1. Kiểm tra, đánh giá mức chất lượng sản phẩm đã đạt được đề xét cấp chứng nhận chất lượng của Nhà nước.
2. Kiểm tra, xác nhận mức thực hiện kế hoạch chất lượng đã được duyệt.
3. Kiểm tra, xem xét các điều kiện và biện pháp cần thiết để bảo đảm ổn định và nâng cao chất lượng.

Điều 14. — Căn cứ đề kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa là tiêu chuẩn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, mẫu đã kiểm định, quy phạm, quy trình công nghệ sản xuất và sửa chữa, điều kiện nghiệm thu, hợp đồng kinh tế, các chỉ tiêu trong kế hoạch chất lượng đã được duyệt và các quy định chính thức khác về chất lượng đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành theo chế độ quy định.

Điều 15. — Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa do cơ quan kiểm tra chất lượng tiến hành tại cơ sở theo kế hoạch định kỳ hoặc theo kế hoạch đột xuất khi xét thấy cần thiết.

Điều 16. — Khi tiến hành kiểm tra tại cơ sở, trưởng đoàn kiểm tra phải xuất trình giấy ủy nhiệm của cơ quan kiểm tra chất lượng có thẩm quyền với cơ sở được kiểm tra. Thủ trưởng cơ sở được kiểm tra có trách nhiệm :

1. Báo cáo và cung cấp đầy đủ, chính xác các tài liệu về tình hình chất lượng theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.
2. Cung cấp các tài liệu cần thiết làm căn cứ đề kiểm tra như đã nêu ở điều 14.
3. Cung cấp mẫu sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra.
4. Cung cấp thiết bị, dụng cụ kiểm tra và các phương tiện cần thiết khác có ở cơ sở. Cử cán bộ, công nhân giúp việc kiểm tra.
5. Tạo điều kiện thuận lợi để đoàn kiểm tra xem xét các điều kiện và biện pháp nhằm bảo đảm ổn định và nâng cao chất lượng ở những nơi cần thiết trong cơ sở mình.

Điều 17. — Kết quả kiểm tra và những kiến nghị về biện pháp xử lý được ghi vào biên bản kiểm tra. Trong biên bản phải có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra và thủ trưởng cơ sở được kiểm tra. Trong trường hợp thủ trưởng cơ sở được kiểm tra từ chối ký thì biên bản có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra vẫn có giá trị, thủ trưởng cơ sở có quyền khiếu nại lên cơ quan kiểm tra chất lượng cấp trên.

Biên bản kiểm tra phải được lưu tại cơ quan trực tiếp chỉ đạo việc kiểm tra, tại cơ sở được kiểm tra, báo cáo lên cơ quan kiểm tra chất lượng cấp trên và gửi cho các cơ quan liên quan.

Điều 18. — Cán bộ kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa trong khi thừa hành nhiệm vụ phải tuân theo luật pháp của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành đầy đủ các chế độ, thể lệ của Nhà nước về kiểm tra chất lượng, chế độ bảo mật về tình hình và số liệu trong sản xuất, kinh doanh và phải chịu trách nhiệm về kết luận của mình.

Điều 19. — Những kết luận và quyết định của tổ chức kiểm tra chất lượng, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chỉ bị bác bỏ khi có văn bản của tổ chức kiểm tra chất lượng cấp trên.

Điều 20. — Chi phí cho việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa do cơ sở được kiểm tra chịu.

Trong trường hợp có tranh chấp về chất lượng giữa các bên giao nhận thì chi phí giám định do bên yêu cầu giám định trả trước, sau đó, bên nào chịu chi phí này là do Hội đồng trọng tài kinh tế quyết định theo kết quả xét xử.

Chương IV

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 21. — Trong việc tổ chức đánh giá chất lượng sản phẩm để xét cấp chứng nhận chất lượng của Nhà nước, sản phẩm được sắp xếp theo ba mức chất lượng sau đây :

1. Sản phẩm đạt và vượt những chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật đề ra trong tiêu chuẩn hoặc quy định hiện hành về chất lượng, với trình độ khoa học kỹ thuật cao hoặc tương đương với mức chất lượng trung bình tiên tiến của sản phẩm cùng loại trên thị trường thế giới.

2. Sản phẩm đạt được những chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật đề ra trong tiêu chuẩn hoặc quy định hiện hành về chất lượng, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế quốc dân và của nhân dân.

3. Sản phẩm có những chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật đã lỗi thời, cần được cải tiến hoặc loại khỏi sản xuất.

Điều 22. — Nhà nước chứng nhận chất lượng sản phẩm bằng hình thức cấp dấu và giấy chứng nhận chất lượng.

Những sản phẩm đạt được mức chất lượng phù hợp với điểm 1 và 2 của điều 21 với điều kiện ổn định và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nền kinh tế quốc dân sẽ được cấp dấu chứng nhận chất lượng của Nhà nước.

Hình dáng và kích thước dấu chứng nhận chất lượng của Nhà nước do Nhà nước quy định.

Điều 23. — Dấu chứng nhận chất lượng của Nhà nước có giá trị pháp lý trong cả nước.

Nhi nghiệp sản xuất sản phẩm mang dấu chứng nhận chất lượng của Nhà nước được khuyến khích về vật chất và tinh thần theo chế độ quy định.

Điều 24. — Việc đánh giá chất lượng và xét cấp dấu chứng nhận chất lượng của Nhà nước, theo quy định ở điều 21 và 22 được thực hiện thông qua các hội đồng đánh giá chất lượng Nhà nước do Cục Kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa tổ chức theo từng loại sản phẩm.

Điều 25. — Thẻ lệ chứng nhận chất lượng và quản lý dấu chất lượng của Nhà nước, tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá chất lượng Nhà nước do Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước quy định và hướng dẫn thực hiện.

Chương V

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN
CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Điều 26. — Cục Kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa là cơ quan giúp Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước quản lý thống nhất công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa trong cả nước.

Cục Kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây :

1. Theo dõi tình hình chung về chất lượng sản phẩm và hàng hóa, nghiên cứu và đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành các chế độ, thể lệ làm cơ sở pháp lý cho công tác kiểm tra chất lượng. Tổ chức, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các quy định đó.

2. Chỉ đạo và hướng dẫn về tổ chức và nghiệp vụ cho các tổ chức kiểm tra chất lượng cấp dưới. Tổ chức việc nghiên cứu nghiệp vụ kiểm tra chất lượng và đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân chuyên trách kiểm tra chất lượng.

3. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá chất lượng đối với sản phẩm do Nhà nước quản lý chất lượng nói ở điều 7, chương II, quyết định cấp dấu chứng nhận chất lượng của Nhà nước và xác nhận mức thực hiện kế hoạch chất lượng của xí nghiệp đối với những sản phẩm này. Tổ chức việc đánh giá chất lượng theo yêu cầu xét duyệt sản phẩm của Nhà nước.

4. Làm trọng tài giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong trường hợp có tranh chấp về chất lượng. Kết quả giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa có giá trị quyết định cuối cùng về mặt pháp lý.

5. Cử cán bộ đến những nơi cần thiết, trong các cơ sở sản xuất và cơ sở lưu thông phân phối để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xem xét các điều kiện và biện pháp để bảo đảm và nâng cao chất lượng.

6. Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các cơ quan có liên quan cung cấp mẫu sản phẩm, hàng hóa, phương tiện và các tài liệu cần thiết cho việc kiểm tra.

7. Quyết định tạm ngừng xuất xưởng hoặc phân phối những sản phẩm, hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng theo quy định.

Áp dụng các hình thức phạt nói ở điều 30, chương VI của bản điều lệ này và kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp ngoài quyền hạn của mình.

8. Thông báo cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cho cơ quan chủ quản của cơ sở đó và các cơ quan có liên quan biết tình hình vi phạm các quy định về chất lượng và kiến nghị biện pháp khắc phục.

9. Công nhận và ủy quyền kiểm tra Nhà nước về chất lượng cho các cơ quan, đơn vị thuộc các ngành, các địa phương.

10. Làm công tác tuyên truyền, thông tin, tư liệu về chất lượng và kiểm tra chất lượng.

11. Thu phí tồn kiểm tra theo thể lệ quy định.

Điều 27. — Tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa địa phương có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây :

1. Thực hiện và hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các chế độ, thể lệ của Nhà nước về kiểm tra chất lượng trong địa phương. Nghiên cứu và đề nghị với Ủy ban hành chính địa phương ban hành các quy định nhằm cụ thể hóa các chế độ, thể lệ của Nhà nước về kiểm tra chất lượng cho phù hợp với đặc điểm và tình hình cụ thể của địa phương (các quy định này không được trái với quy định của Nhà nước).

2. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá chất lượng đối với các sản phẩm không thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý chất lượng nói ở điều 7, chương II, xác nhận việc thực hiện kế hoạch chất lượng của xí nghiệp đối với các sản phẩm này. Tổ chức việc đánh giá chất lượng theo yêu cầu xét duyệt sản phẩm của địa phương.

3. Làm trọng tài giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong trường hợp có tranh chấp về chất lượng giữa các cơ sở thuộc địa phương quản lý và trong phạm vi được phân cấp của Cục Kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa. Kết quả giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa có giá trị pháp lý.

4. Cử cán bộ đến những nơi cần thiết trong các cơ sở sản xuất và cơ sở lưu thông phân phối của địa phương để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; xem xét các điều kiện và biện pháp để bảo đảm và nâng cao chất lượng.

5. Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các cơ quan có liên quan của địa phương cung cấp mẫu sản phẩm, hàng hóa, phương tiện và các tài liệu cần thiết cho việc kiểm tra.

6. Kiến nghị Ủy ban hành chính địa phương và các cơ quan có thẩm quyền đình chỉ xuất xưởng hoặc phân phối những sản phẩm, hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng đã quy định và xử lý các trường hợp vi phạm quy định về chất lượng.

7. Thông báo cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh của địa phương, cho cơ quan chủ quản của cơ sở đó và các cơ quan có liên quan biết tình hình vi phạm các quy định về chất lượng và kiến nghị biện pháp khắc phục.

8. Làm công tác tuyên truyền, thông tin về chất lượng và kiểm tra chất lượng ở địa phương.

9. Làm báo cáo về tình hình chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động kiểm tra chất lượng lên Ủy ban hành chính địa phương và Cục Kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa.

10. Thu phí tồn kiểm tra theo thể lệ quy định.

Điều 28. — Nhiệm vụ và quyền hạn của phòng hoặc ban kiểm tra chất lượng sản phẩm ở xí nghiệp công nghiệp quốc doanh theo quy định trong Điều lệ về kiểm tra chất lượng sản phẩm ở xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ban hành theo quyết định của Hội đồng Chính phủ số 26-CP ngày 21-2-1974.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ PHẠT

Điều 29. — Đơn vị và cá nhân nào có thành tích trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về kiểm tra chất lượng, bảo đảm và nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giảm thiểu mức thiệt hại về sản phẩm xấu, hỏng sẽ được khen thưởng. Đơn vị và cá nhân nào vi phạm các quy định về kiểm tra chất lượng, không bảo đảm chất lượng sản phẩm và hàng hóa phải chịu trách nhiệm vật chất về những thiệt hại đã gây ra.

Chế độ khen thưởng và trách nhiệm vật chất về chất lượng phải được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 30. — Thủ trưởng, cán bộ có trách nhiệm ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh và cán bộ kiểm tra chất lượng, tùy theo mức độ nặng nhẹ, sẽ bị khiển trách, cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10 đồng đến 100 đồng nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây :

1. Cho xuất xưởng hoặc phân phối trái phép những sản phẩm, hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng đã quy định.

2. Có hành động gian dối về chất lượng sản phẩm, hàng hóa để thu lợi trái phép.

3. Cố ý lẩn tránh việc thi hành chế độ kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa, gây khó khăn cho sự hoạt động của cơ quan kiểm tra chất lượng, vi phạm quy định ở điều 16, chương III.

4. Là cán bộ kiểm tra chất lượng mà không chấp hành đúng những chế độ, thề lệ về kiểm tra chất lượng, vi phạm quy định ở điều 18, chương III.

Điều 31. — Đối với trường hợp vi phạm quy định về kiểm tra chất lượng gây ra thiệt hại lớn cho Nhà nước và nhân dân, người có trách nhiệm sẽ bị truy tố về hình sự theo luật pháp hiện hành.

Điều 32. — Các cơ quan quản lý sản xuất, kinh doanh, các cơ quan vật giá, tài chính và ngân hàng... có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan kiểm tra chất lượng có thẩm quyền thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp đôn bầy kinh tế, thưởng phạt về chất lượng theo đúng chế độ, thề lệ của Nhà nước.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. — Điều lệ này có hiệu lực đối với tất cả các ngành sản xuất lưu thông phân phối trong nền kinh tế quốc dân và không áp dụng đối với công trình xây dựng cơ bản.

Điều 34. — Bãi bỏ những điều quy định trong các văn bản khác trái với điều lệ này.

T.M. Hội đồng Chính phủ
K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng
NGUYỄN DUY TRINH

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên bộ số 4-TBXH/TC ngày 17-4-1976 hướng dẫn thi hành quyết định số 284-CP ngày 23-12-1974 của Hội đồng Chính phủ về chính sách đối với xí nghiệp sản xuất của thương binh.

Hội đồng Chính phủ đã ra quyết định số 284-CP ngày 23-12-1974 về chính sách đối với xí nghiệp sản xuất của thương binh.

Liên Bộ Thương binh và xã hội — Tài chính hướng dẫn thi hành quyết định của Hội đồng Chính phủ như sau.

I. TÍNH CHẤT, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ XÍ NGHIỆP

1. Về tính chất và nhiệm vụ xí nghiệp.

Theo quyết định của Hội đồng Chính phủ, xí nghiệp sản xuất của thương binh là một tổ chức kinh tế đặc biệt, được thành lập để thu nhận và sắp xếp công việc làm cho những thương binh, bệnh binh không chuyên về địa phương hoặc không tuyền vào làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước.

Vì vậy, xí nghiệp sản xuất của thương binh có nhiệm vụ:

— Thu nhận thương binh, bệnh binh, sắp xếp việc làm phù hợp với thương tật và sức khỏe của anh chị em, tạo điều kiện để anh chị em đem khả năng lao động còn lại tiếp tục đóng góp cho xã hội và làm tròn nhiệm vụ của mình trong cương vị mới.

— Tổ chức tốt việc sản xuất kinh doanh để duy trì và phát triển sản xuất, nhanh chóng tiến tới tự mình giải quyết đời sống của thương binh, bệnh binh làm việc tại xí nghiệp.

— Tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần (ăn, ở, học tập chính trị, văn hóa, vui chơi, giải trí...) cho mọi thành viên của xí nghiệp.

2. Về đối tượng thu nhận.

Đối tượng thương binh, bệnh binh mà xí nghiệp có trách nhiệm thu nhận là những thương binh, bệnh binh ở các trại, trường do thương tật và sức khỏe không chuyên về địa phương hoặc không tuyền vào làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước được, bao gồm: thương binh hạng 4, hạng 5, bệnh binh mất sức lao động tương đương; một số thương binh hạng thương tật thấp hơn nhưng có những vết thương đặc biệt (thần kinh sợ não...); một số thương binh thương tật nặng (hạng 6, hạng 7...) còn có thể làm việc được nếu được sắp xếp công việc phù hợp và được trang bị công cụ lao động thích hợp.

Ngoài các đối tượng trên đây, xí nghiệp sản xuất của thương binh có thể thu nhận một số thương binh thương tật nhẹ nhưng không về địa phương được vì không có cơ sở, không có gia đình ở địa phương.

Ngoài đối tượng thương binh, bệnh binh, các Sở, Ty thương binh và xã hội phải nghiên